TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2025/HS-ST
Ngày 23 - 7 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tòng Thị Lan
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bạc Thị Hồng, bà Bạc Thị Thanh Thuỳ
- Thư ký phiên tòa: Bà Lò Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Điện Biên, tỉnh Điện Biên.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Nông Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 81/2025/TLST-HS ngày 24/6/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXXST-HS ngày 10/7/2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lò Văn S -** Tên gọi khác: Không có; Sinh ngày 07/7/1993 tại Bản N, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên (nay là Bản N, xã Q, tỉnh Điện Biên); Nơi cư trú: Bản N, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên (nay là Bản N, xã Q, tỉnh Điện Biên); Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lò Văn S1 – sinh năm 1963 và bà Lò Thị B – sinh năm 1963; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền sự: có 01 tiền sự, bị Công an xã Q, tỉnh Điện Biên xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức xử phạt cảnh cáo tại Quyết định số 82/QĐ - XPHC ngày 11/6/2025, chưa được coi là chưa bị xử lý hành chính; Tiền án: có 01 tiền án, năm 2022 bị TAND Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xử phạt 18 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma tuý tại Bản án số 22/2022/HSST ngày 18/3/2022, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/5/2023, chưa được xóa án tích; Nhân thân: Năm 2012 bị UBND tỉnh Đ áp dụng biện pháp đưa vào Cơ sở giáo dục tại Quyết định số 768/QĐ-UBND ngày 29/8/2012 thời hạn 24 tháng, bị cáo đã chấp hành xong, được coi là chưa bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính; Tạm giữ: Không; Bắt tạm giam từ ngày 14/4/2025 đến nay. Bị cáo có mặt.

- *Bị hại:* Bà Lò Thị M - sinh năm 1932. Nơi cư trú: Bản L, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên (nay là Bản L, xã Q, tỉnh Điện Biên). Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người phiên dịch cho bị hại*: Chị Cà Thị K – sinh năm 2001. Nơi cư trú: Bản N, xã C, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 11 giờ 00 phút ngày 09/4/2025, bị cáo Lò Văn S một mình đi bộ từ nhà ở bản N, xã Q đến nhà cậu ruột ở cùng bản là ông Lò Văn V (vợ là Lò Thị T) chơi thì bị cáo thấy Bị hại bà Lò Thị M là mẹ đẻ của Lò Thị T đi hái rau về. Bị hại ngồi nghỉ ở ghế trước hiên nhà và nhờ bị cáo mở cửa nhà hộ, khi bị cáo cầm chìa khoá đi mở cửa thấy bị hại tháo chiếc túi đựng tiền bằng vải thổ cẩm đeo trên người ra để ở ghế ngay cạnh bàn uống nước, bị cáo đã nảy sinh ý định trộm cắp tiền của Bị hại. Đến 11 giờ 15 phút cùng ngày khi Bị hại đang đi xem lồng gà ở khu vực hiên nhà, bị cáo đã mở túi lấy trộm hết số tiền trong túi 2.500.000 đồng mang về nhà cất giấu trong chiếc túi đeo làm bằng vỏ bao xác rắn màu trắng cũ treo ở góc hiên nhà của bị cáo.

Trong thời gian từ ngày 09/4/2025 đến ngày 11/4/2025 bị cáo đã dùng số tiền trộm được đi mua ma tuý sử dụng, trả tiền Taxi, xe ôm, mua bánh kẹo, nước ngọt hết số tiền trên.

Ngày 11/4/2025 Bị hại có Đơn tố giác trình báo vụ việc lên cơ quan Công an xã Q để giải quyết theo quy định.

Trong quá trình điều tra, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình về việc đã lấy trộm tiền của Bị hại Lò Thị M.

Bị hại có lời khai phù hợp với lời khai của bị cáo về thời gian, địa điểm bị mất tài sản và đặc điểm tài sản bị chiếm đoạt, trong quá trình điều tra và tại đơn xin xét xử vắng mặt Bị hại yêu cầu bị cáo phải trả số tiền 2.500.000 đồng cho Bị hại.

Cáo trạng số 43/CT-VKSTG ngày 24/6/2025 của VKSND huyện Tuần Giáo (nay là VKSND khu vực 3 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên) truy tố bị cáo Lò Văn S về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; Về trách nhiệm dân sự áp dụng các Điều 584, 585, 589 của Bộ luật dân sự buộc bị cáo phải trả cho B1 hại số tiền 2.500.000 đồng; Về vật chứng, áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; các điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị thu tiêu hủy 01 túi đeo làm bằng vỏ bao xác rắn màu trắng cũ đã qua sử dụng; Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên toà rút tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự "phạm tội đối với người đủ 70 tuổi trở lên"; bổ sung 01 tiền sự đối với bị cáo do ngày 11/6/2025 bị cáo đã bị Công an xã Q xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi sử dụng trái phép chất ma tuý.

Tại phiên tòa bị cáo giữ nguyên ý kiến như lời khai tại cơ quan điều tra; Bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt Bị hại Lò Thị M (có đơn xin xét xử vắng mặt). Xét thấy người vắng mặt đã có lời khai trong quá trình điều tra và sự vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt Bị hại theo quy định tại khoản 1 Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Xét về rút tình tiết tăng nặng của Viện kiểm sát

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát rút tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự "phạm tội đối với người đủ 70 tuổi trở lên", với lý do khách thể bị xâm hại là quyền nhân thân như tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm. Bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản, đối tượng tác động của tội phạm là tài sản (số tiền 2.500.000 đồng của B1 hại là người trên 70 tuổi) không phải tác động đến nhân thân, tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm của Bị hại. Hội đồng xét xử thấy rằng, khách thể bị xâm phạm không phải tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm, nhưng quy định pháp luật không bắt buộc phải gây hại về thể chất đối với người đủ 70 tuổi trở lên. Bị cáo lén lút trộm tiền là hành vi xâm phạm quyền sở hữu tài sản của Bị hại (Bị hại sinh ngày 01/01/1932 đã 93 tuổi) đến thời điểm bị chiếm đoạt tài sản đã đủ 70 tuổi trở lên, bị cáo biết rõ Bị hại là người già yếu, một mình ở nhà, dễ sơ hở trong quản lý tài sản, không có khả năng phòng vệ nhưng bị cáo đã lợi dụng hoàn cảnh này để cố ý thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Hiện nay Bị hại đang được hưởng chế độ trợ cấp xã hội đối với người khuyết tật nặng, người cao tuổi của UBND xã Q 1.000.000 đồng/tháng, là người được pháp luật bảo vệ đặc biệt (tại các bút lục 102, 104, 105). Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận việc rút tình tiết tăng nặng này của Viện kiểm sát.

[3] Xét về bổ sung tiền sự của Viện Kiểm sát

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát bổ sung 01 tiền sự đối với bị cáo, ngày 11/6/2025 bị cáo đã bị Công an xã Q xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi sử dụng trái phép chất ma tuý, đến nay chưa được coi là chưa bị xử lý hành chính. Xét thấy việc bổ sung của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận bị cáo có 01 tiền sự.

[4] Xét về hành vi phạm tội: Qua lời khai của Bị hại, bị cáo và các chứng cứ được làm rõ tại phiên tòa đã xác định được:

Bị cáo vì muốn có tiền để sử dụng cho mục đích cá nhân, nên khoảng 11 giờ 15 phút ngày 09/4/2025 tại nhà ông Lò Văn V ở bản N, xã Q, bị cáo đã lấy trộm số tiền 2.500.000 đồng của bà Lò Thị M. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của B1 hại xác nhận thời gian, địa điểm mất tài sản, đặc điểm của tài sản bị chiếm đoạt, phù hợp với các vật chứng cơ quan điều tra đã thu giữ, kết quả khám nghiệm hiện trường, kết quả xác định nơi xảy ra vụ việc, Biên bản nhận dạng…Như vậy có đủ cơ sở để xác định bị cáo đã lợi dụng lúc chủ sở hữu sơ hở

trong việc quản lý tài sản đã lén lút trộm 2.500.000đồng của B1 hại với mục đích lấy tiền sử dụng cho bản thân.

Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự, an toàn xã hội, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội Trộm cắp tài sản được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[5] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Về nhân thân: Năm 2012 bị UBND tỉnh Đ áp dụng biện pháp đưa vào Cơ sở giáo dục thời hạn 24 tháng, bị cáo đã chấp hành xong và đã được coi là chưa bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "thành khẩn khai báo" theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên về áp dụng tình tiết giảm nhẹ này.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Năm 2022 bị cáo bị TAND Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xử phạt 18 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma tuý, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/5/2023, tính đến ngày phạm tội mới (ngày 09/4/2025) bị cáo chưa được xóa án tích, do đó bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Tái phạm" theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự; Bị hại sinh ngày 01/01/1932 (93 tuổi) là người trên 70 tuổi, do đó bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội đối với người đủ 70 tuổi trở lên" theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Về tiền sự: Bị cáo đã bị xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo ngày 11/6/2025 của Công an xã Q về hành vi sử dụng trái phép chất ma tuý, đến nay chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 7 của Luật xử lý vi phạm hành chính nên xác định bị cáo có 01 tiền sự và cần xem xét khi quyết định mức hình phạt.

Căn cứ vào tính chất mức độ phạm tội của bị cáo, xét về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng mức hình phạt tù tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo và cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào biên bản xác minh tài sản của cơ quan điều tra và qua tranh tụng tại phiên tòa cho thấy, bị cáo không có tài sản gì giá trị; bị cáo không có việc làm và thu nhập thường xuyên, đại diện Viện kiểm sát đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về bồi thường dân sự: Bị hại yêu cầu bị cáo trả số tiền 2.500.000 đồng cho Bị hại. Xét thấy yêu cầu của Bị hại là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 30 của Bộ luật tố tụng hình sự; các Điều 584, 585, 589 của Bộ luật dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về vấn đề khác có liên quan:

Đối với hai người đàn ông đã bán ma túy cho bị cáo quá trình điều tra và tại phiên tòa không xác định được họ tên, địa chỉ nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét, xử lý.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma tuý của bị cáo, Công an xã Q đã xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về vật chứng vụ án:

Đối với 01 túi vải thổ cẩm nhiều màu sắc đã làm rõ là tài sản của Bị hại Lò Thị M, Cơ quan cảnh sát điều tra đã xử lý bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là phù hợp với quy định, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với 01 túi đeo làm bằng vỏ bao xác rắn màu trắng cũ đã qua sử dụng là công cụ phạm tội và là vật không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[10] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 và phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo khoản 3 Điều 21 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[11] Về hành vi, quyết định tố tụng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo Lò Văn S phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

2. Hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, các điểm h, i khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 38 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lò Văn S 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 14/4/2025.

3. Bồi thường dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 30 của Bộ luật tố tụng hình sự; các Điều 584, 585, 589 của Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo phải trả cho B1 hại Lò Thị M số tiền 2.500.000 đồng *(Hai triệu năm trăm nghìn đồng).*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; các điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy: 01 túi đeo làm bằng vỏ bao xác rắn màu trắng cũ đã qua sử dụng.

Số vật chứng trên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuần Giáo (nay là Phòng THADS khu vực 3, tỉnh Điện Biên) đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đ và Phòng thi hành án dân sự khu vực 3, tỉnh Điện Biên.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23, khoản 3 Điều 21 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

6. Kháng cáo: Áp dụng khoản 1 Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 23/7/2025). Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- VKSND khu vực 3 - Điện Biên;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh;
- Phòng HSNV, Lý lịch tư pháp Công an tỉnh Điện Biên;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh;
- Phân trại tạm giam khu vực Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên;
- THADS tỉnh Điện Biên;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu: HSVA, HSTHA.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Tòng Thị Lan